

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2017

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Công**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Ngọc Hương**

2. Bà **Võ Thị Diệu Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Ngọc Hiên** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Văn Khánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2017 về “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần S**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Tổ dân phố NB, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà **Trần L**, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Tổ dân phố NB, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Quỹ hỗ trợ nông dân thành phố C.

Địa chỉ: Hội Nông dân thành phố C - Khu liên cơ Mặt trận - Đoàn thể, số 02 Đ, phường CP, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện: Ông **Lê H**, sinh năm: 1961.

Chức vụ: Trưởng ban Điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trần S trình bày:* Ông Trần S và bà Trần L tự nguyện tìm hiểu, tổ chức kết

hôn và được Ủy ban nhân dân phường CN, thị xã C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyền số II/2003 ngày 10/12/2003.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà L ngoại tình, thường xuyên bỏ nhà đi chơi, không chăm lo cho gia đình, mặc dù ông S đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng bà L vẫn không thay đổi. Nay thấy không còn tình cảm nên ông S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà L.

- *Về con chung*: Ông S và bà L có 04 con chung Trần D, sinh ngày: 05/10/2002, Trần Đ, sinh ngày: 17/7/2004, Trần T, sinh ngày: 09/7/2006 và Trần Q, sinh ngày: 27/01/2015.

Ông S yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 04 con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ngày 27/3/2014, hộ bà L, ông S có vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội, số tiền 6.000.000 đồng. Ngày 17/5/2017, ông S đã trả hết số tiền nợ trên cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

Ngày 11/5/2015, ông S và bà L có vay Quỹ hỗ trợ nông dân thành phố C số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 17/7/2017, ông S đã trả hết số tiền nợ trên cho Quỹ hỗ trợ nông dân thành phố C.

* *Tại Công văn số 07-CV/QHTND ngày 24/3/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Quỹ hỗ trợ nông dân thành phố C có ông Lê H làm đại diện trình bày:*

Ngày 11/5/2015, hộ bà Trần L, ông Trần S có ký kết hợp đồng vay vốn số: 16/2015/HĐVV với Quỹ hỗ trợ nông dân thành phố C, số tiền được vay là 10.000.000 đồng, mục đích vay: Nuôi trồng rong sụn, thời hạn vay 24 tháng (11/5/2015 đến 11/5/2017).

Căn cứ tại Hướng dẫn số 82-HD/QHTTW, Quỹ hỗ trợ nông dân thành phố C có ý kiến việc giải quyết hồ sơ vay của bà Trần L khi ly hôn cụ thể như sau: Đề nghị hộ bà Trần L thay người đứng tên vay là ông Trần S và đồng thời tìm người thừa kế thay cho ông Trần S khi ly hôn nếu vẫn tiếp tục có nhu cầu vay Quỹ hỗ trợ nông dân đến ngày hết hạn vay 11/5/2017. Nếu hộ bà Trần L và ông Trần S không có người thừa kế cho hợp đồng vay trên thì yêu cầu trả vốn vay Quỹ hỗ trợ nông dân khi ly hôn.

Tại phiên tòa ngày 17/7/2017: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Quỹ hỗ trợ nông dân thành phố C có đơn rút yêu cầu hộ bà Trần L và ông Trần S trả số tiền nợ 10.000.000 đồng.

* *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C:*

- *Về tố tụng*: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 73, 227 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt là vi phạm Điều 70, 72 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Trần S có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết việc hôn nhân gia đình giữa ông và bà Trần L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn bà Trần L nhưng bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trần S và bà Trần L tự nguyện tìm hiểu, tổ chức kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường CN, thị xã C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số II/2003 ngày 10/12/2003 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông S bà L sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do bà L có quan hệ tình cảm với người khác, thường xuyên bỏ nhà đi chơi, không có trách nhiệm với gia đình. Ngày 14/12/2016, ông S có làm đơn yêu cầu ly hôn với bà L nhưng sau đó ông rút đơn, để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà L vẫn chứng nào tật nấy. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà L đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng bà L không chấp hành, thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc cuộc sống hôn nhân của ông bà.

Xét thấy: mâu thuẫn giữa vợ chồng ông S và bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông S yêu cầu ly hôn với bà L là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông S.

- *Về con chung:* Ông S và bà L có 04 con chung Trần D, sinh ngày: 05/10/2002, Trần Đ, sinh ngày: 17/7/2004, Trần T, sinh ngày: 09/7/2006 và Trần Q, sinh ngày: 27/01/2015. Ông S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung.

Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Hiện tại, các cháu đang sinh sống cùng với bố; cháu D, Đ và T có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn; cháu Q chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng hiện tại bà L đã bỏ nhà đi, không có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao các cháu cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của ông S.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông S không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Ông S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về nợ chung*:

+ Ngày 27/3/2014, hộ bà Trần L, ông Trần S có vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội, số tiền 6.000.000 đồng. Ngày 12/6/2017, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố C có Công văn số 102/NHCSCR với nội dung: Tính đến ngày 12/6/2017, hộ ông Trần S và bà Trần L không còn nợ tiền vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội C và Ngân hàng không đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ trên. Vì vậy, Tòa án không xét đối với khoản nợ của Ngân hàng Chính sách Xã hội.

+ Ngày 11/5/2015, hộ bà Trần L, ông Trần S có ký kết hợp đồng vay vốn số: 16/2015/HĐVV với Quỹ hỗ trợ nông dân thành phố C, số tiền được vay là 10.000.000 đồng, mục đích vay: Nuôi trồng rong sụn, thời hạn vay 24 tháng (11/5/2015 đến 11/5/2017). Ngày 17/7/2017, Quỹ hỗ trợ nông dân thành phố C có Thông báo số 128-TB/HNDTP về thu hồi vốn vay Quỹ hỗ trợ nông dân, với nội dung ông S đã trả đủ số tiền phí hàng tháng và tiền gốc đến hạn là 10.000.000 đồng nên Hội Nông dân thành phố C rút yêu cầu trả nợ đối với hộ ông Trần S và bà Trần L. Vì vậy, Tòa án không xét đối với khoản nợ của Quỹ hỗ trợ nông dân thành phố C.

[3] *Về án phí*: Ông S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn”.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ông Trần S. Ông Trần S được ly hôn bà Trần L.

2. Về con chung: Ông Trần S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 04 con chung Trần D, sinh ngày: 05/10/2002, Trần Đ, sinh ngày: 17/7/2004, Trần T, sinh ngày: 09/7/2006 và Trần Q, sinh ngày: 27/01/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông S không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

* Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Ông Trần S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung: Ngân hàng Chính sách Xã hội và Quỹ hỗ trợ Nông dân thành phố C rút yêu cầu trả nợ của hộ ông Trần S và bà Trần L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông Trần S phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011504 ngày 20/02/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C. Ông Trần S đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p C;
- CCTHADS t.p C;
- UBND phường CN;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Công